

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/2018/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 03 tháng 12 năm 2018

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020  
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ Quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị quyết số 18/2018/NQ-HĐND ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Công văn số 451/HĐND-KTNS ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đính chính văn bản;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 3370/TTr-SNNPTNT ngày 02 tháng 11 năm 2018 về việc dự thảo Quyết định về giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 195/BC-STP ngày 02 tháng 11 năm 2018.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

Chủ sở hữu công trình thủy lợi; chủ quản lý công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi; tổ chức, cá nhân sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

#### **Điều 2. Giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi giai đoạn 2018 - 2020**

##### **1. Mức giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với đất trồng lúa như sau:**

##### **a) Trường hợp tưới, tiêu chủ động:**

<b>TT</b>	<b>Khu vực và biện pháp công trình</b>	<b>Mức giá (1.000 đồng/ha/vụ)</b>
1	Đối với các huyện miền núi, các xã miền núi thuộc huyện đồng bằng	